

# XEM VẬN MỆNH THEO BÁT TỰ - TỬ BÌNH

Thân chào Quý Cô Kim, Chúng tôi xin gửi đến Quý Cô Kim lá số Tử Trạ này và luận giải cùng Quý Cô những vấn đề mà Quý Cô đang quan tâm, Quý Cô hãy kiểm tra lại thông tin cá nhân 1 lần nữa, để chắc không bị nhầm lẫn, vì nhầm lẫn thông tin thì kết quả sẽ sai.

Xin lưu ý về phần lời giải: trong một số ít đoạn bình giải chúng tôi lập chung cho cả nam và nữ, do đó nếu người xem là phái nữ mà có lời giải là 'lấy được vợ đẹp' thì phải hiểu ngược lại là 'chồng đẹp' và đối với người nam cũng vậy. Do đó Quý Cô đừng nghĩ là lời giải bị sai mà không an tâm.

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	Kim
Ngày Sinh Dương	Thứ Hai, Ngày 22 Tháng 2 Năm 1993
Ngày Sinh Âm	Ngày Giáp Tuất, Tháng Ất Mão, Năm Quý Dậu (2/2/1993)
Tử Vi	Năm Quý Dậu, Tháng Ất Mão, Ngày Giáp Tuất, Giờ Mậu Thìn
Bát tự	Năm Quý Dậu, Tháng Giáp Dần, Ngày Giáp Tuất, Giờ Mậu Thìn
Giờ Sinh	Thìn (8:20)
Giới Tính	Nữ
Tuổi	Quý Dậu (32 tuổi)

Phái nữ: Kim Năm Quý Dậu, Tháng Giáp Dần, Ngày Giáp Tuất, Giờ Mậu Thìn

Trụ Năm	Trụ Tháng	Trụ Ngày	Trụ Giờ
Ấn	Tì	Nhật / Tài	Tài
Quý Dậu	Giáp Dần	Giáp Tuất	Mậu Thìn
Tân	Giáp Bính Mậu	Mậu Đinh Tân	Mậu Quý Ất
Quan	Tì Thực Tài	Tài Thương Quan	Tài Ấn Kiếp
Thai	Kiến lộc	Dưỡng	Suy
Tú QN	Lộc-thần	Quốc-ấn	Tú QN
Không-vong	Kiếp-sát	-	Kim dự
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
<b>Kiếp</b>	<b>Thực</b>	<b>Thương</b>	<b>Tài</b>
Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ
Ất	Mậu Quý Ất	Bính Canh Mậu	Đinh Kỷ
Kiếp	Tài Ấn Kiếp	Thực Sát Tài	Thương Tài
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
<b>Tài</b>	<b>Sát</b>	<b>Quan</b>	<b>Kiều</b>
Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất
Kỷ Ất Đinh	Canh Nhâm Mậu	Tân	Mậu Đinh Tân
Tài Kiếp Thương	Sát Kiêu Tài	Quan	Tài Thương Quan

**Dụng thần:** Bính, Quý

**Cung mệnh:** cung hợi

**Vòng Trường Sinh:**

Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Lâm quan	Quan đới	Mộc dục	Trường sinh	Dưỡng	Thai	Tuyệt	Mộ	Tử	Bệnh	Suy	Đế vượng

All rights reserved by [www.XemTuong.net](http://www.XemTuong.net)

Trụ năm bị năm Kỷ Mão thiên khắc địa xung.

Trụ tháng bị năm Canh Thân thiên khắc địa xung.

Trụ ngày bị năm Canh Thìn thiên khắc địa xung.

Trụ giờ bị năm Giáp Tuất thiên khắc địa xung.

Thai nguyên: Ất Tỵ.

Thai tức: Kỷ Mão.

1- Quý Dậu	2- Giáp Tuất	3- Ất Hợi	4- Bính Tí	5- Đinh Sửu	6- Mậu Dần
7- Kỷ Mão	8- Canh Thìn	9- Tân Tỵ	10- Nhâm Ngọ	11- Quý Mùi	12- Giáp Thân
13- Ất Dậu	14- Bính Tuất	15- Đinh Hợi	16- Mậu Tí	17- Kỷ Sửu	18- Canh Dần
19- Tân Mão	20- Nhâm Thìn	21- Quý Tỵ	22- Giáp Ngọ	23- Ất Mùi	24- Bính Thân
25- Đinh Dậu	26- Mậu Tuất	27- Kỷ Hợi	28- Canh Tí	29- Tân Sửu	30- Nhâm Dần
31- Quý Mão	<b>32- Giáp Thìn</b>	33- Ất Tỵ	34- Bính Ngọ	35- Đinh Mùi	36- Mậu Thân
37- Kỷ Dậu	38- Canh Tuất	39- Tân Hợi	40- Nhâm Tí	41- Quý Sửu	42- Giáp Dần
43- Ất Mão	44- Bính Thìn	45- Đinh Tỵ	46- Mậu Ngọ	47- Kỷ Mùi	48- Canh Thân
49- Tân Dậu	50- Nhâm Tuất	51- Quý Hợi	52- Giáp Tí	53- Ất Sửu	54- Bính Dần
55- Đinh Mão	56- Mậu Thìn	57- Kỷ Tỵ	58- Canh Ngọ	59- Tân Mùi	60- Nhâm Thân
61- Quý Dậu	62- Giáp Tuất	63- Ất Hợi	64- Bính Tí	65- Đinh Sửu	66- Mậu Dần
67- Kỷ Mão	68- Canh Thìn	69- Tân Tỵ	70- Nhâm Ngọ	71- Quý Mùi	72- Giáp Thân
73- Ất Dậu	74- Bính Tuất	75- Đinh Hợi	76- Mậu Tí	77- Kỷ Sửu	78- Canh Dần
79- Tân Mão	80- Nhâm Thìn	81- Quý Tỵ	82- Giáp Ngọ	83- Ất Mùi	84- Bính Thân

Tháng chi cùng ngũ hành với ngày can (tỷ, kiếp): Ngày chủ cực vượng.

Trụ ngày và trụ giờ gặp Thiên khắc địa xung.

Trụ năm có chính ấn (ấn) nếu là hỷ dụng thần: thì sinh ở gia đình quyền quý, học tập thi cử đỗ đạt. Trường hợp có năm chính ấn và tháng chính quan thì tổ nghiệp thanh cao quyền quý. Trường hợp năm chính ấn tháng kiếp tài thì anh em được thừa kế tổ nghiệp.

Trụ tháng có tỷ kiên (Tì) là có anh chị em nuôi hoặc là con nuôi, có khuynh hướng độc lập không dựa vào gia đình, thích tranh luận biện lý tài. Trường hợp tháng chi có tỷ kiên nữa mà trong trụ không có sao quan thì tính bạo loạn.

Trụ ngày có thiên tài (tài) nếu tọa sao tướng thì lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài, được vợ trợ giúp. Nói chung thì gặp bạn đời khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, có tài biện bác, có vận tài, thích phù hoa biểu hiện bản thân.

Trụ giờ có thiên tài (tài) thì con cái khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, thích biện bác, thích đầu cơ. Nếu năm và tháng không có thiên tài mà ngày giờ có thiên tài lại không gặp hình xung, tỉ, kiếp thì về già phát đạt. Nếu giờ can thiên tài mà giờ chi có tỉ, kiếp thì thương vợ cả tổn vợ bé.

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tổn con.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130) "Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan. Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao. Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang. Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt."

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có tú quý nhân là hòa hợp với tứ khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139): Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh. Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiển lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc. Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỳ thấy khắc. Lộc mã từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên. Lộc sợ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không. Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chức, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ. Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiển lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác. Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha. Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc. Nên tham khảo thêm. ..

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp. a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài. b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ. c: Với thiên át quý nhân cùng trụ: có mưu lược có uy danh. d: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán. e: Với thiên quan, đương nhân cùng trụ, kỵ thần cùng chi: kiện tụng liên miên, hết tai nạn này lại đến tai nạn khác. f: Với kiến lộc cùng trụ: ham mê rượu chè.

Kiến lộc cách (ngoại cách): Trích sách Tử Bình Nhập Môn của Lâm Thế Đức trang 53. 10 Thiên can từ Giáp đến Quý mà sinh vào tháng thuộc Lộc như Giáp gặp Dần, Ất gặp Mão, Bình gặp Tỵ, Đinh gặp Ngọ, Mậu gặp Tỵ, Kỷ gặp Ngọ, Canh gặp Thân, Tân gặp Dậu, Nhâm gặp Hợi, Quý gặp Tí tất cả đều là Kiến Lộc cách. Vì sinh trong tháng Lộc nên Nhật nguyên đã cứng mạnh, không phải như các cách trên, phải nhờ có chi của năm, của ngày và của giờ giúp mới được mạnh. Có thể điều khiển được Tài, Quan, Thực, Thương, nếu phối hợp cho điều hòa thì tất được thành công dễ dàng vậy. **VẬN HẠN:** 1. Tài nhiều mạnh, nên lấy Tỵ, Kiếp làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận tốt. Gặp Tài, Quan là vận xấu. 2. Tài tuy nhiều nhưng Nhật nguyên có Ấn, Tỵ, Kiếp giúp nên lấy Quan, Sát làm Dụng thần. Hạn gặp Quan, Sát là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ là vận xấu. 3. Tài tuy nhiều nhưng Nhật nguyên có Ấn giúp nên lấy Thương, Thực làm Dụng thần. Hạn gặp Thương, Thực, Tài là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận xấu. 4. Quan, Sát nhiều và mạnh nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận tốt. Gặp Tài, Quan là vận xấu. 5. Ấn nhiều nên lấy Tài làm Dụng thần. Hạn gặp Tài, Thương, Thực là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ là vận xấu. 6. Tỵ, Kiếp nhiều nên lấy, Quan, Sát làm dụng thần. Hạn gặp Quan, Sát, Tài là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận xấu.

Phiên tài cách: Trích sách Tử Bình Nhập Môn của Lâm Thế Đức trang 46. Cách cục thành công của cách là: 1. Nhật nguyên cường, Tài tinh cũng cường lại gặp Quan tinh. 2. Nhật nguyên yếu, Tài tinh cường, có Ấn và Tỵ hộ Nhật nguyên. 3. Nhật nguyên cường, Tài tinh yếu, có Thương Thực sinh Tài. Trường hợp cách cục bị phá hoại khi gặp 1 trong những trường hợp sau: 1. Nhật nguyên cường, Tài tinh yếu, có nhiều Tỵ, Kiếp. 2. Gặp phải Hình, Xung, Hại. 3. Nhật nguyên yếu, Thất sát mạnh, tài cũng mạnh, sinh Sát tinh hại Nhật nguyên. Khi gặp những trường hợp sau thì thái quá (quá nhiều): 1. Tài tinh mạnh lại nhiều Nhật nguyên quá yếu. 2. Tài mạnh, Nhật nguyên yếu lại thêm nhiều Thực Thương. Khi gặp những trường hợp sau thì bất cập (thiếu thốn): 1. Nhật nguyên mạnh thêm nhiều Tỵ, Kiếp, Lộc, Nhận. 2. Tài tinh không gặp Thực, Thương lại có nhiều Tỵ, Kiếp. **VẬN HẠN:** 1. Nhật nguyên yếu, có nhiều Thực, Thương nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn gặp phải Ấn, Tỵ, Kiếp là hạn tốt. Gặp phải Thực, Thương là hạn xấu. 2. Nhật nguyên yếu, Tài đặc thời nên mạnh quá phải lấy Tỵ, Kiếp làm Dụng thần. Gặp vận có Tỵ, Kiếp là hạn tốt. Gặp hạn có Thương, Thực, Tài là hạn xấu. 3. Nhật nguyên yếu có Quan, Sát nhiều nên lấy Ấn làm Dụng thần. Gặp vận có Ấn hay Tỵ là vận tốt. Gặp hạn có Tài, Quan, Thất sát là hạn xấu. 4. Nhật nguyên cường có Tỵ, Kiếp nhiều giúp thêm cho Nhật nguyên là thái quá nên lấy Thương, Thực hay Quan, Sát làm Dụng thần. Gặp phải hạn Thương, Thực, Quan, Sát là hạn tốt. Gặp Ấn hay Tỵ là hạn xấu. 5. Nhật nguyên mạnh có Ấn mạnh sinh Nhật nguyên thì phải lấy Tài làm Dụng thần. Hạn gặp Thực, Tài là hạn tốt. Gặp Ấn, Tỵ, Quan, Sát là hạn xấu.

Trụ năm gặp chính ấn là cha mẹ hiền lành, hay làm điều thiện.

Ngày giáp át gặp vận dần, mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh dành nhau.

Trụ ngày và trụ giờ có thìn Tuất tương xung nhau thì nên rời xa quê hương là tốt.

Năm tháng không có tài quan là tự mình phấn đấu làm nên cơ nghiệp.

Nữ gặp Giáp thìn, giáp tuất là khắc chồng.

Nữ trong trụ không có thực, quan là không có chồng.

Nữ, ngày giờ có thìn Tuất tương xung phải đề phòng chồng có ngoại tình.

Nữ tứ trụ không có quan tinh, tức là "không phải vợ lẽ thì cũng vợ kế". Nên coi thêm thập thần trong can chi tàng độn nữa cho chắc.

Ngày giờ đối xung nhau thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con cái.

Thai chủ: Khắc hãm vợ, hay bị thay đổi công ăn việc làm, không quyết đoán, đần độn dễ bị mê hoặc. Trụ năm có Thai, già buồn phiền về thân tộc, họ hàng tranh chấp.

Lâm quan (Kiến lộc) chủ lương thiện, cung kính, khiêm nhường, cao thượng, thịnh phát, danh vọng, tài lộc, phong lưu, sống lâu, vinh hoa. Trụ tháng có lâm quan nữa đời sự nghiệp hưng vượng nhưng không ở tại quê quán. Nếu có Kiếp tài cùng trụ thì ham mê tửu sắc.

Dưỡng chủ: khắc vợ con, ham sắc dục, làm con nuôi, xa gia đình. Trụ ngày có Dưỡng, khắc cha mẹ, không sống chung với cha mẹ, hiếu sắc, ít khi một vợ, 1 chồng, hiếm con, khắc vợ, được người ngoài nuôi dưỡng hay làm con nuôi ngay từ bé, thì tốt. Riêng nữ mệnh cột ngày có Dưỡng, có Trường sinh ở kế thì con cái tốt. Nếu sinh ngày Canh Thìn thì xấu, hại chồng.

Suy chủ: ôn thuận, đạm bạc, yếu đuối, tinh thần bạc nhược, phá tài sản, tai ách, lỡ duyên, bất định. Trụ giờ có suy, con cái bất hiếu, khổ vì con.

Nam, can giờ khắc can ngày hoặc Nữ, can ngày khắc can giờ: Sinh con trai đầu lòng.

Thìn, tuất của ngày giờ tương xung nhau nên tuy có con nhưng con học hành không đỗ đạt.

Tài tinh đóng ở trụ giờ là con cái sau thành gia thất, chúng sẽ giàu.

Mẹ có can ngày khắc can giờ là sinh con trai đầu lòng.

Ngày giờ tương xung nhau thì không lợi cho con cái.

Tài đóng ở nhật nguyên, hành đến vận tài thì sẽ phát.

Trụ ngày giáp át mà hành vận dần mão thì kiếp tài phá tài.

Trên trụ giờ có thiên tài thì sợ anh em, hành đến vận kiếp tài thì sẽ bị phá tài và tranh tài. Nói chung Thiên tài sợ hành vận tỉ kiếp vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cô đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cô. Quý Cô có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cô.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cô Kim thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net